

CHƯƠNG 5: LẬP DANH

Luận nói: Nương vào nghĩa gì mà lập tên của lục độ? Nghĩa này làm sao thấy được” ?

Giải thích: Thế gian lập danh tự có nhiều nguyên nhân. Có khi do sinh loại lập danh, có khi do tướng lập danh, có khi do giả lập danh, có khi do khinh rẻ lập danh, có khi do kính trọng lập danh. Trong đây có năm nguyên nhân. Lục độ từ nghĩa gì mà lập danh? Từ hai nhân lập danh, vì chủng tánh khác nhau; từ sinh loại lập danh, vì công đức nhiều từ kính trọng lập danh. Danh được lập tự có chung danh và riêng, sáu thứ đều xứng với Ba-la-mật là thông danh, thí, giới... có khác nhau là biệt danh. Thế nào là danh chung Ba-la-mật?

Luận nói: Tối thắng vô đẳng trong tất cả thiện căn thí... của thế gian, Thanh-văn và Độc Giác.

Giải thích: Có sáu thứ và ba thứ tối thắng vô đẳng, sáu thứ như giải thích trước trong sáu tướng. Còn ba thứ: 1. Thời vô đẳng. 2. Gia hạnh vô đẳng. 3. Quả vô đẳng. Mỗi mỗi độ đều tu hành ba A-tăng-kỳ kiếp là thời vô đẳng. Gia hạnh vô đẳng, có bốn loại và năm loại, cũng có năm loại khác, cũng có sáu loại. Bốn loại tức là chỗ thuyết minh trước bốn tu, năm loại tức là năm pháp tu, cũng có sáu loại tức là sáu ý và năm pháp tu. Văn sau sẽ tự nói quả của sáu ý. Vô đẳng, Tam thân đã làm sáng Vô thượng Bồ-đề .

Luận nói: Vì có khả năng đến bờ bên kia, cho nên gọi chung là Ba-la-mật.

Giải thích: Đến bờ bên kia tự có ba thứ: 1. Tùy chỗ tu hành rốt ráo không sót là đến bờ bên kia. Thế gian và Nhị thừa cũng có xứng với chỗ tu hành, nhưng tu không tận cho nên không phải đến bờ bên kia. 2. Như nhiều sông đều chảy về biển là cùng cực, thì thí... cũng vậy, lấy nhập chân như làm cứu cánh, tức là lấy nhập chân như làm đến bờ bên kia. Thế gian và Nhị thừa tuy tu thí... Nhưng không thể nhập chân như cho nên không phải đến bờ bên kia. 3. Bởi đặc vô đẳng quả là đến bên kia không còn có quả nào thù thắng hơn quả này. Vì trong các quả nó cao hơn cho nên gọi là bờ bên kia. Thế gian và Nhị thừa tuy tu thí... Nhưng không cầu quả này cho nên không phải đến bờ bên kia. Bờ bên kia mà Bồ-tát tu đều đầy đủ ba nghĩa này, cho nên gọi chung là Ba-la-mật. Tại sao gọi riêng là Đà-Na?

Luận nói: Có khả năng diệt tham tiếc, tật đố và khổ bần cùng hạ

tiện, cho nên gọi là Đà.

Giải thích: Tham tiếc là nhiều chướng ngại tài vật. Tật đổ là chướng ngại tôn quý chướng. Khi nhân có thể diệt trừ chướng tham tiếc, là khi quả đắc nhiều tài vật cho nên lia khổ bản cùng. Khi nhân có thể diệt trừ chướng tật đổ là khi quả được tôn quý, cho nên lia khổ hạ tiện. Tại sao vậy? Nếu người chưa phá tâm tham tiếc và tật đổ thì không thể hành bố thí, cho nên nói có khả năng phá chướng này. Nếu người hành bố thí có khả năng phá chướng này, thì người này sau đó bị khổ bản cùng hạ tiện là không có lý như vậy.

Luận nói: Lại được làm vị thí chủ rất giàu sang và có thể dẫn tư lương của phước đức cho nên gọi là na.

Giải thích: Giới thí giới dùng gọi là vị thí chủ rất giàu sang, do là chủ cho nên có thể dẫn tư lương của phước đức. Do đủ nghĩa này cho nên gọi là Đà-na.

Luận nói: Có thể tịch tĩnh tà giới và ác đạo, cho nên gọi là thi.

Giải thích: Khi nhân có thể phá tà giới, là khi quả có thể lia ác đạo. Nếu người không xả ác Nghiệp mà có thể trì giới là không có việc đó, cho nên trước phá tà giới. Nếu người phá tà giới trì chánh giới mà đọa vào bốn cõi ác là không có việc đó, cho nên là khi đạt quả có khả năng lia ác đạo.

Luận nói: Lại có khả năng đắc thiện đạo và Tam-ma-đề, cho nên gọi là La.

Giải thích: Do trước trì giới, sau đó thọ thiện quả của trời người, trong nhân, hoặc trong quả. Do trì giới cho nên thân khẩu thanh tịnh. Do thanh tịnh cho nên không có hối, do không có hối hận cho nên tâm an. Do tâm an cho nên được vui vẻ. Do vui vẻ cho nên được tốt thêm. Do tốt cho nên được an lạc. Do an lạc cho nên được định. Do định cho nên thấy chân như, do thấy chân như cho nên được chán lìa. Do chán lìa cho nên được giải thoát. Cho nên do nhân trì giới mà đắc Tam-ma-đề, do đủ nghĩa này cho nên gọi là Thi La.

Luận nói: Có khả năng diệt trừ tâm giận dữ và phần hận tâm, cho nên gọi là Sần.

Giải thích: Khi nhân do quán năm nghĩa cho nên diệt trừ giận dữ và phần hận. Năm nghĩa đã sinh tâm phần hận là: 1. Quán tất cả chúng sinh vô thủy đến nay đối với ta có ân. 2. Quán tất cả chúng sinh hằng niệm niệm diệt, người nào hay tổn, người nào bị tổn! 3. Quán chỉ có pháp, không có chúng sinh, có pháp nào hay tổn và pháp nào bị tổn! 4. Quán tất cả chúng sinh đều tự thọ khổ, tại sao lại muốn lấy khổ thêm!

5. Quán tất cả chúng sinh đều là con ta, tại sao trong đó lại muốn sinh tổn hại! Do năm pháp quán này cho nên có thể diệt trừ giận dữ, giận dữ đã diệt cho nên trừ phân hận.

Luận nói: Lại có khả năng sinh sự bình hoà của tự tha, cho nên gọi là đề.

Giải thích: Sự này thông đạt nhân quả. Nhân này có thể bị tội lỗi của giận dữ nhiễm ô, tức là đối với tự bình hoà, đã không phần hận, không sinh khổ cho tha, tức là đối với tha bình hoà. Như Kinh nói: Nếu người hành nhẫn, thì có ngũ đức: 1. Vô hận. 2. Vô há. 3. Nhiều người kính mến. 4. Có tiếng tăm tốt. 5. Sinh thiện đạo. Năm đức này gọi là bình hoa. Do đủ nghĩa này cho nên gọi là Săn-đề.

Luận nói: Diệt trừ lưỡi nhác (lại đọa) và các ác pháp, cho nên gọi là Tỳ.

Giải thích: Chìm đắm trong ác xứ cho nên gọi là lưỡi nhác. Lại nữa, không chán ghét ác hạnh cho nên gọi là lưỡi nhác. Do lưỡi nhác cho nên lìa các thiện hạnh, sinh các ác pháp. Ba nghiệp hằng khởi tội lỗi cho nên gọi là ác pháp. Do diệt lưỡi nhác cho nên có thể trừ chỗ sinh các ác của lưỡi nhác. Đây gọi là tinh tấn diệt pháp ác.

Luận nói: Hành bất phóng dật, sinh trưởng vô lượng thiện pháp, cho nên gọi là Lê-da.

Giải thích: Đây là căn cứ theo nhân quả của tin ưa để thuyết minh tinh tấn. Nhân của tín có thể hành, thì quả của lạc có thể đắc, cho nên hằng hành cung kính hạnh gọi là bất phóng dật. Do hành cung kính, thì thiện chưa sinh có thể khiến cho sinh, thiện đã sinh thì có thể khiến cho tăng trưởng. Đây là sinh khởi được pháp tinh tấn. Do đủ nghĩa này cho nên gọi là Tỳ-lê-da.

Luận nói: Có thể diệt trừ tán loạn, cho nên gọi là Trì-ha.

Giải thích: Tán loạn có năm thứ: 1. Tự tánh tán loạn, là năm thức. 2. Ngoại tán loạn, là ý thức động theo ngoại trần. 3. Nội tán loạn, là tâm cao thấp và ham ưa mùi vị. 4. Thô Trọng tán loạn, là kế chấp ngã và ngã sở. 5. tư duy tán loạn, là tâm hèn mọn, Bồ-tát bỏ Đại thừa tư duy Tiểu thừa.

Luận nói: Lại có thể dẫn tâm khiến cho trụ Nội cảnh, cho nên gọi là Na.

Giải thích: Dẫn tâm khiến cho trụ năm thứ tịch tĩnh gọi là nội cảnh. Do đủ nghĩa này cho nên gọi là Trì-ha-na.

Luận nói: Lại có thể diệt tất cả kiến hạnh, có thể trừ tà trí, cho nên gọi là Bát-la.

Giải thích: Kiến hạnh là sáu mươi hai kiến. Tà trí là hiểu biết theo thế gian hư vọng, tà trí tức là trí chướng.

Luận nói: Có thể duyên chân tướng.

Giải thích: Là duyên chân như, tức là biết như lý trí.

Luận nói: Tùy theo phẩm loại.

Giải thích: Phẩm loại có hai thứ là hữu vi và vô vi, là năm nhiếp của danh. Nếu biết pháp như vậy tức là biết như lượng trí.

Luận nói: Biết nhất thiết pháp cho nên gọi là Nhã.

Giải thích: Chân như tướng và phẩm loại gọi là nhất thiết pháp. Như lý trí gọi là Bát-nhã. Như lượng trí gọi là quả Bát-nhã cũng gọi là Bát-nhã. Hai trí này đã làm rõ ba nghĩa: 1. Đối trị, tức là nhị chướng. 2. cảnh giới, tức là chân tướng. 3. Quả, tức là như lượng trí. Do ba nghĩa này cho nên gọi là Bát-la-nhã.

CHƯƠNG 6: TU TẬP

Luận nói: Tại sao phải biết tu tập của các Ba-la-mật?

Giải thích: Thế gian và Nhị thừa đều có tu tập thí, tu tập thí của Bồ-tát khác với thế gian và Nhị thừa, là sao biết được?

Luận nói: Nếu lược nói, phải biết tu tập có năm thứ.

Giải thích: Nếu rộng nói thì tu tập có mười thứ: 1. Hiện thị tu. 2. Tồn giảm tu. 3. Trị thành tu. 4. Hậu hành tu. 5. Tương ứng tu. 6. Thắng tu. 7. Thượng thượng tu. 8. Sơ tế tu. 9. Trung tế tu. 10. Hậu tế tu. 11. Hữu thượng tu. 12. Vô thượng tu.

1. Hiện thị tu, là tu bốn niệm xứ, vì có thể làm rõ nghĩa bốn đế.
2. Tồn giảm tu, là bốn chánh cần, vì có thể diệt dần các ác pháp.
3. Trị thành tu, là tứ như ý túc, vì có thể trị thành định, có thể trừ năm lỗi và trì giữ tám diệt tư lương.
4. Hậu hành tu, là tu ngũ căn, vì có đủ giải thoát phần.
5. Tương ứng tu, là tu ngũ lực, vì phải tương tục kiến đạo.
6. Thắng tu, là tu thất giác phần, vì nhập Tứ đế quán.
7. Thượng thượng tu, là tu bát thánh đạo phần, vì thắng kiến đạo.
8. Sơ tế tu, là phạm phu vị, tu giới cho đến đắc bất tịnh quán và sở tức quán, vì tùy thuận điên đảo.
9. Trung tế tu, là hữu học vị, trong đây không có đảo và chỗ tùy

thuận của đảo.

10. Hậu tế tu, là vô học vị, trong đây không có chỗ đảo của đảo và phi đảo.

11. Hữu thượng tu, là Thanh- văn Độc-giác tu, và bằng với các vị kia.

12. Vô thượng tu, là Bồ-tát mười địa, vì tối thắng.

Luận nói: 1. Gia hạnh phương pháp tu.

Giải thích: Là thân khẩu ý nghiệp có thể trở thành quảng đại thanh tịnh tối thắng.

Luận nói: 2. Tín nhạo tu.

Giải thích: Căn cứ theo giáo như chương thứ nhất giải thích.

Luận nói: 3. Tư duy tu.

Giải thích: Trong tư duy tu tự có ba thứ là ái trọng, tùy hỷ và nguyện đắc, hợp chung lại gọi là tư duy tu, cũng như chương thứ nhất giải thích.

Luận nói: 4. Phương tiện thắng trí tu.

Giải thích: Tức là vô phân biệt trí có ba nghĩa: 1. Quảng đại. 2. Thanh tịnh. 3. Tốc thành. Vì đủ ba nghĩa này mới lập tên phương tiện thắng trí.

Luận nói: 5. Tu lợi ích tha sự. Trong đây, bốn thứ tu đều phải biết như trước. Lợi ích tha sự tu là vô công dụng tâm của phật, không xả Như Lai sự.

Giải thích: Làm sáng tỏ lời dạy trong giáo pháp Đại thừa, là dù đã Bát Niết-bàn nhưng Phật còn khởi tâm nữa một lần nữa. Bát Niết-bàn tức là pháp thân, khởi tâm nữa một lần nữa tức là Ứng thân và Hóa thân. Chư Phật đã trụ pháp thân, do bản nguyện lực lia tam nghiệp, tùy sự lợi ích chúng sinh, tự nhiên hiển hiện hai thân Ứng và Hóa, hằng không bỏ chánh sự của Như Lai và hành các Ba-la-mật, cho nên chư Phật có tu tập các Ba-la-mật.

Luận nói: Trong tu tập các Ba-la-mật đến viên mãn, càng tu thêm các Ba-la-mật.

Giải thích: Phật và Bồ-tát tùy phần viên mãn, hoặc đủ phần viên mãn. Trong viên mãn vị này, nếu tu các Ba-la-mật, tự sự đã thành cho nên không tự làm, thấy chúng sinh do hạnh này được lia bốn cõi nhập đạo quả của ba thừa, lại tu thêm các Ba-la-mật, tức là lợi ích tha sự.

Luận nói: Lại nữa, tư duy tu tập, là ái trọng, tùy hỷ, nguyện đắc và tư duy, thuộc sáu ý nhiếp chỗ tu.

Giải thích: Chương này thuyết minh chung nghĩa tu tập, trước

thuyết minh ngũ tu. Chưa phân biệt tu vị có khác nhau, làm sao biết được tu của nguyện hạnh vị, khác với tu của thanh tịnh vị? Nếu lục ý nhiếp tam tư duy thì tu các Ba-la-mật phải biết tại thanh tịnh vị. Trong nguyện hạnh vị thì không có nghĩa này. Tam tư duy là gốc tu hành, lấy lục ý trang nghiêm để nhiếp trì tam tư duy này.

Luận nói: Lục ý: 1. Quảng đại ý. 2. Trường thời ý. 3. Hoan hỷ ý. 4. Hữu ân đức ý. 5. Đại chí ý. 6. Thiện hảo ý. Quảng đại ý, là Bồ-tát tu bao nhiêu A-tăng-kỳ kiếp có thể đắc Bồ-đề!

Giải thích: Tổng nêu kiếp số giới hạn là nhiều hay ít còn nói “bao nhiêu”, vì Kinh của Đại thừa và tiểu thừa nói kiếp số không đồng, cho nên không nói quyết định kiếp số là bao nhiêu. Tiểu thừa thuyết minh ba A-tăng-kỳ kiếp thì được thành Phật, Đại thừa thuyết minh hoặc ba, hoặc bảy, hoặc ba mươi ba A-tăng-kỳ kiếp được thành Phật.

Luận nói: Lấy như Thời này làm một sát-na, sát-na.

Giải thích: Hoặc hợp chung ba A-tăng-kỳ kiếp làm một sát-na, hoặc hợp chung ba mươi ba A-tăng-kỳ kiếp làm một sát-na, cho nên nói thêm một “sát-na” nữa, là một ngày, một tháng cho đến một A-tăng-kỳ kiếp, từ một A-tăng-kỳ đến ba mươi ba A-tăng-kỳ mới được thành Phật, đây là muốn làm rõ ý Bồ-tát không có chán đủ cho nên nói thời gian dài này.

Luận nói: Bồ-tát trong thời này, sát-na sát-na thường xả thân mạng.

Giải thích: Thời này, tức là tổng nêu thời gian dài này. Sát-na là thuyết minh cái sát-na mà thế gian nói, thì vừa rồi đã nói thời gian dài ấy. Như như cái sát-na mà thế gian nói, là trong mỗi mỗi sát-na, thường xả thân mạng và ngoại tài cho đến khi thành Phật không có tâm chán đủ.

Luận nói: Và bằng Hằng hà sa số thế giới, trong đó chứa đầy thất bảo phụng thí cúng dường Như Lai, từ sơ phát tâm cho đến nhập trụ cứu cánh thanh lương Bồ-đề.

Giải thích: Hữu Dư Niết-bàn gọi là thanh, vì lìa phiền não trước. Vô dư Niết-bàn gọi là lương, vì lìa nhiều khổ nóng bức. Lại nữa, Bồ-tát lấy tịnh lạc làm thể, vì muốn làm rõ tịnh đức cho nên nói thanh, muốn làm rõ nghĩa lạc cho nên nói lương.

Luận nói: Là ý thí của Bồ-tát cũng chưa đầy đủ, như vậy nhiều thời sát-na sát-na, đầy lửa trong ba ngàn đại thiên thế giới, Bồ-tát trong đó đi đứng nằm ngồi làm tứ oai nghi, lìa tất cả dụng cụ nuôi sống.

Giải thích: Dưới đây là muốn thuyết minh Bồ-tát tu ngũ độ khác,

trong mỗi mỗi sát-na trường thời này, thường tại xứ cực kỳ khổ nạn, dụng cụ giúp thân hằng không cung cấp đủ, Bồ-tát tuy thọ khổ này, nhưng trong thời này tu các Ba-la-mật cũng chưa từng chán đủ.

Luận nói: Tâm giới, nhãn, tinh tấn. Tam-ma-đề và Bát-nhã, Bồ-tát hằng tu hiện tiền, cho đến nhập trụ cứu cánh thanh lương Bồ-đề, là ý giới, ý nhãn... của Bồ-tát cũng chưa đầy đủ, là tâm vô yếm túc (không chán đủ), gọi đó là Bồ-tát quảng đại ý. Nếu Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, không xả tâm vô yếm túc, gọi đó là Bồ-tát trường thời ý. Nếu Bồ-tát làm lợi ích cho tha sự từ sáu Ba-la-mật, thường sinh vô đẳng hoan hỷ, chúng sinh được lợi ích, tâm hoan hỷ không có ai bằng được, thì gọi đó là Bồ-tát hoan hỷ ý. Nếu Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật lợi ích chúng sinh rồi, thấy chúng sinh đối với mình có đại ân đức mà không thấy mình có ân đối với chúng sinh kia, gọi đó là Bồ-tát hữu ân đức ý. Nếu công đức thiện căn của Bồ-tát được sinh lên từ sáu Ba-la-mật, bố thí cho tất cả chúng sinh, đem tâm vô trước hồi hướng để khiến cho chúng sinh kia đắc quả báo khả ái trọng, thì gọi đó là Bồ-tát đại chí ý. Nếu chỗ hành sáu Ba-la-mật công đức thiện căn của Bồ-tát, khiến cho tất cả chúng sinh đều đắc bình đẳng bình đẳng, để chúng sinh kia hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, gọi đó là Bồ-tát thiện hảo ý. Do chỗ nhiếp ái trọng tư duy của lục ý mà Bồ-tát tu tập.

Giải thích: Để chỉ rõ tâm cầu đắc thấy có đại công đức mà cầu mong cho được.

Luận nói: Nếu Bồ-tát tùy hỷ vô lượng, công đức thiện căn của Bồ-tát được sinh lên từ tu gia hạnh lục ý, thì gọi đó là chỗ nhiếp tùy hỷ tư duy của Bồ-tát lục ý.

Giải thích: Để chỉ rõ vô nghi tâm đã tùy hỷ thực hành của Bồ-tát thắng nhân, quyết định không có nghi.

Luận nói: Nếu Bồ-tát nguyện tất cả chúng sinh, tu hành chỗ nhiếp sáu Ba-la-mật của lục ý, và nguyện tự thân tu hành chỗ nhiếp sáu Ba-la-mật của lục ý, tu tập gia hạnh cho đến thành Phật, thì gọi đó là chỗ nhiếp nguyện đắc tư duy của Bồ-tát lục ý.

Giải thích: Nhằm làm rõ đại bi không có tâm riêng cầu, tam tư duy này tức là trừ bỏ ba tâm: 1. Trừ tâm không thực hành. 2. Trừ tâm lưỡng lự. 3. Trừ tâm làm siêng lệch lạc.

Luận nói: Nếu người được nghe chỗ nhiếp Bồ-tát tư duy tu tập của lục ý, sinh một niệm tín tâm, thì người đó được vô lượng vô biên khối phước đức, các ác nghiệp chướng hoại diệt không sót.

Giải thích: Diệt nghiệp chướng có hai nghĩa: 1. Có khả năng hoại

nghiệp khiến cho hết. 2. Nghiệp tuy còn vì thiện lực lớn, có thể ngăn trừ quả báo ác đạo, khiến cho vĩnh viễn không thọ nghiệp, cũng có nghĩa hoại diệt. Như người chỉ nghe mà còn được vô lượng vô biên phước đức, hống chi Bồ-tát đem hết khả năng tu hành.

CHƯƠNG 7: SAI BIỆT

Luận nói: Tại sao phải biết sai biệt của các Ba-la-mật” ?

Giải thích: Câu hỏi này muốn làm rõ cái gì? Phẩm loại của các Ba-la-mật không thể tính lường, vì muốn làm rõ chân thể cho nên đặt ra câu hỏi này, do hiểu rõ sự sai biệt của các Ba-la-mật thì chân thể hiển hiện.

Luận nói: Do mỗi thứ có ba phẩm, nên biết sai biệt của nó.

Giải thích: Đây là tổng nêu số để đáp câu hỏi.

Luận nói: Ba phẩm của thí: 1. Pháp thí. 2. Tài thí. 3. Vô úy thí.

Giải thích: pháp thí lợi ích cho tâm kẻ khác. Do pháp thí cho nên thiện căn của kẻ khác Văn tuệ được sinh. Tài thí lợi ích cho thân kẻ khác. Lại nữa, do tài thí, kẻ đó hưởng ác, dẫn khiến họ quy về thiện. Do vô úy thí dắt dẫn những kẻ kia thành quyến thuộc. Do pháp thí, sinh thiện căn của kẻ kia và thành thực giải thoát. Do có đủ nghĩa này cho nên nói thí có tam phẩm.

Luận nói: Giới có ba phẩm: 1. Thủ hộ giới. 2. Nhiếp thiện pháp giới. 3. Nhiếp lợi chúng sinh giới.

Giải thích: Thủ hộ giới là y chỉ của hai giới còn lại. Nếu người không lìa ác mà nhiếp thọ lợi tha thì không đắc giới. Nếu người trụ thủ hộ giới thì có thể dẫn dắt thiện pháp giới, vì Phật pháp và Bồ-đề mà sinh khởi y chỉ. Nếu trụ hai giới trước, thì có thể dẫn dắt lợi chúng sinh giới, là thành thực y chỉ của chúng sinh. Lại nữa, thủ hộ giới do lìa ác, không có tâm hối nã, có thể được trụ an lạc trong hiện đời. Do an lạc trụ này có thể tu nhiếp thiện pháp giới làm thành thực Phật pháp. Nếu người trụ hai giới trước, có thể tu nhiếp lợi chúng sinh giới làm thành thực tha. Tam phẩm giới này tức là nhân của bốn vô úy. Tại sao vậy? Vì giới thứ nhất là đoạn đức, giới thứ hai là trí đức, giới thứ ba là ân đức. Bốn vô úy không ra ngoài ba đức này, cho nên nói là nhân của bốn vô úy. Do đủ nghĩa này cho nên nói giới có ba phẩm.

Luận nói: Nhẫn có ba phẩm: 1. Tha huỷ nhục. 2. An thọ khổ nhẫn. 3. Quán sát pháp nhẫn.

Giải thích: Do huỷ nhục nhẫn có khả năng nhịn chịu lỗi lầm do kẻ khác gây ra. Tại sao vậy? Vì Bồ-tát tạo tác sự lợi ích cho người khác phát tâm tu hành, dù bị kẻ khác huỷ nhục, vẫn không vì chấp lỗi này mà làm thoái lui tâm bốn hạnh. Do an thọ khổ nhẫn, dù đọa trong các khổ nạn của sinh tử, nhưng không do các khổ này làm thoái lui tâm bốn hạnh. Do quán sát pháp nhẫn, Bồ-tát có thể nhập chân lý của chư pháp, nhẫn này tức là chỗ nương của hai nhẫn trước, vì có thể trừ hai chấp nhân và pháp. Do đủ nghĩa này cho nên nói nhẫn có ba phẩm.

Luận nói: Tinh tấn có ba phẩm: 1. Cần dững tinh tấn. 2. Gia hạnh tinh tấn. 3. Bất hạ nan hoại vô túc tinh tấn.

Giải thích: Làm sao biết được tinh tấn có ba thể này? Do Phật Thế Tôn trong Kinh thuyết rằng: Người này có trinh thật, có thắng năng, có dững mãnh, có cương chế lực, bất xả thiện ách. Nhằm làm rõ ba thể mà nói năm câu này, để hiển cần dững tinh tấn mà nói có trinh thật. Để rõ hiển gia hạnh tinh tấn mà nói có thắng năng. Tại sao vậy? Vì người này trong khi gia hạnh có thắng năng, như những gì mong muốn trước đây đều có thể làm. Để rõ hiển bất hạ nan hoại vô túc tinh tấn mà thứ tự nói ba câu có dững mãnh, có cương chế lực và bất xả thiện ách. Tại sao vậy? Có người lúc ban đầu vì đắc Vô thượng Bồ-đề, trước có trinh thật gia hạnh, lúc có năng thắng, vì thời gian lâu xa, quả tướng chỗ cầu chưa hiện, trong khoảng đó sinh tâm hạ liệt. Để đối trị tâm này mà chỉ rõ bất hạ tinh tấn cho nên nói dững mãnh. Nếu người tuy tâm dững mãnh trở lại, không thoái chuyển nữa, nhưng nếu gặp khổ nạn sinh tử cản trở tâm đó thì thoái chuyển Bồ-đề nguyện. Để đối trị tâm này mà chỉ rõ nan hoại tinh tấn, cho nên nói có cương chế lực, do có cương chế lực thì sinh tử khổ nạn không thể khiến cho thoái chuyển. Nếu người tuy gặp khổ mà không thoái chuyển, chỗ đắc nhỏ nhen liền sinh tướng đủ, do tri túc này không thể đắc tối thượng Bồ-đề. Để đối trị tâm này mà chỉ rõ vô túc tinh tấn, cho nên nói bất xả thiện ách. Do đủ nghĩa này cho nên nói tinh tấn có ba phẩm.

Luận nói: Định có ba phẩm: 1. An lạc trụ định. 2. Dẫn thần thông định. 3. Tùy lợi tha định.

Giải thích: Có định khiến cho hiện đời được an lạc trụ. Tại sao vậy? Vì có thể lìa tất cả pháp nhiễm ô, nương vào định này để sinh tự lợi, là tam minh có thể dẫn thành thần thông. Do dẫn thành thông và định mà sinh tùy lợi tha định. Lợi tha tức là tam luân: 1. Thần thông

luân, là thân thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, các luân này chỉ hướng cho những kẻ tà, khiến cho họ quy về chánh. 2. Ký tâm luân, là tha tâm thông, thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông, luân này dẫn người đã quy chánh, nếu chưa tín thọ thì khiến cho tín thọ. 3. Chánh giáo luân, là túc trụ thông và lậu tận thông, do túc trụ thông mà biết căn tánh, do lậu tận thông, như những gì mà mình đạt được, chánh giáo cho kẻ khác, khiến họ đắc gieo giống thành thực giải thoát. Do đủ nghĩa này cho nên nói định có ba phẩm.

Luận nói: Bát-nhã có ba phẩm: 1. Vô phân biệt gia hạnh Bát-nhã. 1. Vô phân biệt Bát-nhã. 3. Vô phân biệt hậu đắc Bát-nhã.

Giải thích: Từ khi nghe vô tướng Đại thừa giáo, được văn tứ tu tuệ, nhập phân biệt tướng không, gọi chung là vô phân biệt gia hạnh Bát-nhã. Đã nhập tam vô tánh tức là vô phân biệt trí, gọi là vô phân biệt bát-nhã. Đắc vô phân biệt trí sau khi xuất quán, chỗ chứng như trước, hoặc tự tư duy, hoặc nói cho kẻ khác, gọi là vô phân biệt hậu đắc Bát-nhã. Bát-nhã lại có ba phẩm, là Vị tri dục tri căn, tri căn và tri dĩ căn. Để sinh các sự trụ dụng xuất thế gian, do đủ nghĩa này cho nên nói Bát-nhã có ba phẩm.

CHƯƠNG 8: NHIẾP

Luận nói: Tại sao phải biết nghĩa nhiếp của các Ba-la-mật?

Giải thích: Tất cả thiện pháp khác cùng với các Ba-la-mật có nghĩa gồm thâu lẫn nhau. Tại sao phải biết?

Luận nói: Tất cả thiện pháp đều gồm thâu vào sáu Ba-la-mật.

Giải thích: Tất cả thiện pháp là nguyện... cho đến bốn vô ngại, lục thông, bí mật pháp tạng cả thủy của Như Lai đều là chỗ gồm thâu của sáu Ba-la-mật.

Luận nói: Lấy làm tánh của thiện pháp kia.

Giải thích: Do Ba-la-mật là pháp tánh của nguyện, những nguyện này cũng gồm thâu các Ba-la-mật. Do các nguyện là tánh của Ba-la-mật, các Ba-la-mật đồng lấy vô phân biệt trí làm tánh, cho nên được nhiếp lẫn nhau.

Luận nói: Kia là sở lưu quả của sáu Ba-la-mật (quả mà Ba-la-mật lưu xuất ra).

Giải thích: Kia tức là lục thông, mười lực, bốn vô sở úy, cho đến chư Phật pháp bất cộng pháp, đều là quả sở lưu của sáu Ba-la-mật, vì cùng với Ba-la-mật đồng tánh.

Luận nói: Chỗ tùy thành tựu của tất cả thiện pháp.

Giải thích: Tín, khinh an... các thiện pháp là chỗ nhiếp của Bồ-tát đạo, tùy chỗ muốn hành Ba-la-mật của Bồ-tát đều có thể thành tựu. Ba-la-mật tức là sở lưu quả của các pháp kia, cho nên được nhiếp lẫn nhau.

CHƯƠNG 9: ĐỐI TRI

Luận nói: Tại sao phải biết đều mà các Ba-la-mật đối trị? Vì nhiếp tất cả hoặc.

Giải thích: Như Ba-la-mật có thể nhiếp hết tất cả thanh tịnh phẩm, sở đối trị của Ba-la-mật cũng phải có thể nhiếp hết tất cả bất tịnh phẩm. Tại sao phải biết?

Luận nói: Lấy làm tánh của nhiễm kia.

Giải thích: Như Ba-la-mật lấy vô nhiễm làm tánh, nhiếp hết tất cả thiện pháp. Chỗ đối trị của Ba-la-mật lấy nhiễm làm tánh, cho nên nhiếp hết tất cả bất tịnh phẩm.

Luận nói: Làm sinh nhân của kia.

Giải thích: Không tin các pháp tà kiến, thân kiến... có thể sinh các quả tham tiếc, tật đố, tà hạnh, giận dữ... vì đồng tánh cho nên được làm nhân của kia.

Luận nói: Làm sở lưu quả của kia.

Giải thích: Tham tiếc, tật đố, tà hạnh, giận dữ... này, do nhiễm tự tha cho nên sinh các ác hạnh, là mười ác... cũng vì đồng tánh mà được làm quả của kia. Do các nghĩa này cho nên được nhiếp lẫn nhau.

CHƯƠNG 10: CÔNG ĐỨC

Luận nói: Vì sao phải biết công đức của các Ba-la-mật.

Giải thích: Hành các hạnh thí... của thế gian cũng có công đức, công đức Ba-la-mật của Bồ-tát tại sao phải biết? Công đức Ba-la-mật của Bồ-tát cùng với thế gian có khác hay giống nhau. Đồng thì có sáu thứ, khác thì có bốn thứ. Đồng có sáu thứ nói như sau.

Luận nói: Hoặc Bồ-tát luân chuyển sinh tử đại phú vị là sự gồm thâu của tự tại.

Giải thích: Chuyển luân vương, Thiên đế, Phạm vương là đại phú vị, làm chủ trong đó cho nên gọi là Tự Tại. Bồ-tát và phàm phu hành bố thí cũng đồng đắc quả báo này.

Luận nói: Chỗ nhiếp của đại sinh.

Giải thích: Đại sinh có ba thứ: 1. Đạo thắng. 2. Tánh thắng. 3. Oai đức thắng. Bồ-tát và phàm phu trì giới cũng đồng đắc quả báo này.

Luận nói: Chỗ nhiếp của đại quyền thuộc và đồ chúng.

Giải thích: Thân thích gọi là quyền thuộc, chỗ nhiếp lãnh gọi là đồ chúng. Quyền thuộc và đồ chúng cũng có ba thứ thù thắng. Như chỗ nói trước cho nên gọi là đại, đều thân ái lẫn nhau, không sinh ganh ghét, hằng cùng vui vẻ đoàn tụ, chưa từng trái nghịch lừa dối. Bồ-tát và phàm phu hành nhẫn cũng đồng đắc quả báo này.

Luận nói: Chỗ nhiếp của đại tư sinh nghiệp sự thành tựu.

Giải thích: Tư sinh nghiệp có bốn thứ: 1. Chủng thực. 2. Dưỡng thú. 3. Thương cố. 4. Sự vương. Hoà đồng và nghịch cãi gọi là sự. Những gì mình muốn làm đều thỏa lòng cho nên gọi là thành tựu. Bồ-tát và phàm phu hành tinh tấn cũng đồng đắc quả báo này.

Luận nói: Chỗ nhiếp của vô tật não thiếu dục...”

Giải thích: Chỗ nhiếp định của bốn vô lượng, định này đắc quả thì thân không có bệnh, tâm lìa nhiều phiền não cho nên hằng vui mừng. Chỗ đắc quả của các định khác, tuy tại gia cùng với tiên nhân lìa dục cũng không khác nhau, vì ít phiền não. Chữ “đẳng (vân vân...)” Là có nghĩa được hình tướng tốt đẹp và trường thọ. Bồ-tát và phàm phu tu định cũng đồng đắc quả báo này.

Luận nói: Chỗ nhiếp thông tuệ của tất cả công xảo minh.

Giải thích: Vì lập sự sinh sống thì cần phải có công xảo minh xứ, tức là mười tám minh xứ, có thể lập hiện tại, vị lai và pháp giải thoát. Trong đây có hai lý lập và phá. Nếu có thông tuệ thì có thể thành sự này. Bồ-tát và phàm phu nếu tu Bát-nhã thì đồng đắc quả báo này.

Khác là có bốn thứ như sau.

Luận nói: Như Ý.

Giải thích: Bồ-tát hành bố thí... đắc quả báo an vui giàu có, trong đó thường lìa tội lỗi, là không có nhiễm ô lợi ích tự thân và người. Thế gian hành bố thí, tuy có công đức nhưng không có các sự này. Đó là tướng khác thứ nhất.

Luận nói: Không mất an vui.

Giải thích: Bồ-tát hành bố thí... được quả báo an vui giàu có, trong đó như ý là tự dụng và vị tha dụng, thường sinh ba thứ hoan hỷ. Thế gian hành bố thí... tuy có công đức nhưng không có các sự như vậy. Đó là tướng khác thứ hai.

Luận nói: Lợi ích chúng sinh làm chánh sự.

Giải thích: Bồ-tát hành bố thí... chỗ sinh công đức thường vì chúng sinh, làm sự lợi ích của thế gian và xuất thế gian, không vì tự thân. Thế gian hành bố thí, tuy có công đức nhưng không được như vậy. Đó là tướng khác thứ ba.

Luận nói: Bồ-tát tu hành công đức của lục độ cho đến nhập trụ cứu cánh thanh lương Bồ-đề, hằng ở trong pháp không khác.

Giải thích: Chỗ sinh công đức của Bồ-tát hành bố thí, từ sơ phát tâm cho đến cực quả, như gốc hằng tại lợi tha không khác, đây tức là thường trụ công đức. Thế gian hành bố thí, tuy có công đức nhưng không được như vậy. Đó là tướng khác thứ tư.

CHƯƠNG 11: HỔ HIỂN (LÀM SÁNG TỔ CHO NHAU)

Luận nói: Tại sao phải biết các Ba-la-mật tương hiển lẫn nhau (làm làm sáng tỏ cho nhau).

Giải thích: Như trong Kinh Bát-Nhã Ba-La-Mật nói ba mươi sáu câu, chỉ rõ nói mỗi mỗi Ba-la-mật tức là nói năm Ba-la-mật khác. Tại sao phải biết.

Luận nói: Thế Tôn lấy tên Thí mà nói các Ba-la-mật, hoặc lấy tên giới, hoặc lấy tên nhẫn, hoặc lấy tên tinh tấn, hoặc lấy tên định, hoặc lấy tên Bát-nhã mà nói Ba-la-mật.

Giải thích: Năm Ba-la-mật nhiếp trong một Ba-la-mật, trong một Ba-la-mật thì có đủ sáu Ba-la-mật, chỉ lấy một tên bố thí để nói mà

thôi.

Luận nói: Như Lai vì ý gì mà nói như vậy? Trong phương tiện tu hành của các Ba-la-mật, tất cả Ba-la-mật khác đều tụ tập trợ thành. Đây là ý của Như Lai nói.

Giải thích: Hoặc Bồ-tát đối với mỗi mỗi Ba-la-mật đều tu gia hạnh, thì các Ba-la-mật khác đều trợ thành một Ba-la-mật này. Như khi Bồ-tát đang hành bố thí, thủ hộ thân khẩu lìa tám chi tội, tức là trì giới chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, do giới này mà thí được thành tựu, cho nên giới có thể thành thí. Hoặc Bồ-tát đang hành bố thí, có thể an thọ thọ lãnh người bố thí ngôn ngữ trái nhau và oai nghi trái nhau, cho đến an thọ thực hành các sự thí khổ. Do nhẫn này mà thí được thành tựu, cho nên nhẫn có thể thành thí. Hoặc Bồ-tát khi đang hành bố thí, do muốn hành tâm bố thí có thể trừ tham ái. Do có đại bi có thể trừ giận dữ, do hạ thân tâm có thể trừ kiêu mạn, muốn khiến cho người thọ thí an lạc có thể trừ xan tham tật đố, biết thí có nhân quả trừ vô minh và tà kiến. Tinh tấn có thể sinh các thiện như vậy, đối trị các ác như vậy, do tinh tấn mà thí được thành tựu, cho nên tinh tấn có thể thành thí. Hoặc Bồ-tát khi đang hành bố thí, nhất tâm tương tục duyên lợi lạc chúng sinh rồi, do định này mà thí được thành tựu, cho nên định có thể thành thí. Hoặc Bồ-tát khi đang hành bố thí, do hiểu rõ nhân quả không nhiễm tam luân, cho nên Bát-nhã có thể thành thí. Đó là các Ba-la-mật khác trợ thành một Ba-la-mật, cho nên hợp chung lại nói là sáu Ba-la-mật, tổng gọi là thí. Như thí, giới... cũng vậy, một độ có đủ sáu độ, cho nên thành ba mươi sáu câu.

Luận nói: Trong đây nói Kệ Uất-đà-na:

*Vị Số thứ tự nhau,
Là tu sai biệt nhiếp,
Đối trị và công đức,
Tương hiển nghĩa các độ.*

